

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

NĂM CẤP CHỨNG NHẬN 2015				
STT	Tên nhiệm vụ	Cấp quản lý	Số giấy chứng nhận	Số TT trong tài liệu
I	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
1	Xây dựng tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận theo tiêu chuẩn TCVN 7457: 2004 (ISO/IEC Guide 65:1996) và TCVN ISO/IEC 17021:2008 đáp ứng yêu cầu được công nhận và chỉ định chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.	Cấp tỉnh	02	002-2015/KQNC
II	SỞ NỘI VỤ			
1	Xây dựng cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm của công chức trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	05	005-2013/KQNC
III	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
1	Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa thuần mới, bổ sung vào cơ cấu bộ giống chủ lực của tỉnh.	Cấp tỉnh	04	004-2015/KQNC
IV	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Nghiên cứu diễn biến khí hậu, thủy văn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1993-2013 dưới tác động của biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.	Cấp tỉnh	07	007-2015/KQNC
V	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Khai thác tài nguyên thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Trị phục vụ cho sự phát triển của tỉnh	Cấp tỉnh	16	016-2015/KQNC
VI	SỞ TƯ PHÁP			
1	Nghiên cứu đề xuất giải pháp đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	18	018-2015/KQNC
VII	CHI CỤC TIÊU CHUẨN-ĐO LƯỜNG-CHẤT LƯỢNG QUẢNG TRỊ			
1	Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh.	Cấp tỉnh	09	009-2015/KQNC

VIII	CHI CỤC THỦ Y QUẢNG TRỊ			
1	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý - GIS trong việc giám sát và khống chế cúm gia cầm tại Quảng Trị.	Cấp tỉnh	12	012-2015/KQNC
IX	TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG - KHUYẾN NGƯỜI TỈNH QUẢNG TRỊ			
1	Nghiên cứu, đánh giá các vườn cà phê và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để cải tạo vườn cà phê già cỗi trên địa bàn huyện Hướng Hóa.	Cấp tỉnh	10	010-2015/KQNC
X	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG QUẢNG TRỊ			
1	Nâng cao nhận thức, kỹ năng về năng suất và chất lượng cho các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	11	011-2015/KQNC
XI	TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN QUẢNG TRỊ			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kế hoạch công việc.	Cấp tỉnh	08	008-2015/KQNC
2	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nâng cao tiềm lực, năng lực thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	14	014-2015/KQNC
3	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	19	019-2015/KQNC
XII	TRUNG TÂM TIN HỌC TỈNH			
1	Luận cứ khoa học và thực tiễn phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp phần mềm tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.	Cấp tỉnh	20	020-2015/KQNC
XIII	BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ			
1	Nghiên cứu thực trạng việc sử dụng đất đai của các cơ sở tôn giáo ở tỉnh Quảng Trị, đề xuất giải pháp quản lý về đất đai các cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	01	001-2015/KQNC
XIV	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN CAM LỘ			
1	Xây dựng mô hình thôn ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại huyện Cam Lộ giai đoạn 2012-2014.	Cấp tỉnh	17	017-2015/KQNC
XV	PHÒNG Y TẾ HUYỆN HẢI LĂNG			
1	Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi của người chăm sóc trẻ về phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em huyện Hải Lăng.	Cấp tỉnh	15	015-2015/KQNC
XVI	VIỆN ĐỊA CHẤT			
1	Nghiên cứu xử lý số liệu đã có, điều tra bổ sung, đánh giá nguồn nguyên liệu khoáng sản để sử	Cấp tỉnh	06	006-2015/KQNC

	dụng làm các sản phẩm mỹ nghệ, trang trí, trang lát và khả năng khai thác sử dụng góp phần phát triển kinh tế địa phương ở tỉnh Quảng Trị.			
XVII	VIỆN HÓA SINH BIỂN			
1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và quy trình sử dụng chế phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản Neo-Polymic phù hợp tại Quảng Trị.	Cấp tỉnh	03	003-2015/KQNC
XVIII	VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÀ NẴNG			
1	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	13	013-2015/KQNC
NĂM CẤP CHỨNG NHẬN 2016				
STT	Tên nhiệm vụ	Cấp	Số giấy chứng nhận	Số TT trong tài liệu
I	SỞ Y TẾ			
1	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, hình ảnh cắt lớp vi tính và kết quả điều trị tụ máu dưới màng cứng mạn tính tại bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	23	003-2016/KQNC
II	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐAKRÔNG			
1	Khảo sát nhận thức, thái độ và hành vi về hiến máu tình nguyện trên địa bàn huyện Đakrông năm 2015.	Cấp Cơ sở	21	001-2016/KQNC
III	VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á			
1	Khai thác có hiệu quả khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo trong bối cảnh mới và vai trò của tỉnh Quảng Trị	Cấp tỉnh	22	002 - 2016/KQNC
IV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC HUẾ			
1	Xác định mức độ tác động địa chấn và khoanh vùng dự báo khu vực ảnh hưởng của động đất do hoạt động kiến tạo của đới đứt gãy Đà Nẵng – Khe Sanh (đoạn Đakrông – Hướng Hóa) đến sự ổn định các công trình xây dựng và khu dân cư vùng núi huyện Đakrông và Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	24	004-2016/KQNC
V	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM			
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu tư vấn quy hoạch, kỹ thuật trồng và chăm sóc nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	25	005-2016/KQNC

NĂM CẤP CHỨNG NHẬN 2017				
STT	Tên nhiệm vụ	Cấp	Số giấy chứng nhận	Số TT trong tài liệu
I	SỞ CÔNG THƯƠNG			
1	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Cấp tỉnh	27	002-2017/KQNC
II	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NT			
1	Ảnh hưởng của việc bổ sung giấm gỗ vào thức ăn đến khả năng sinh trưởng, bệnh tiêu chảy ở lợn con nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	31	006-2017/KQNC
III	BẢO TÀNG TỈNH QUẢNG TRỊ			
1	Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Quảng Trị.		28	003-2017/KQNC
IV	TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN QUẢNG TRỊ			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng cường quảng bá, thương mại hóa sản phẩm các nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Cơ sở	33	008-2017/KQNC
2	Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN.	Cơ sở	34	009-2017/KQNC
V	TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KH&CN QUẢNG TRỊ			
1	Xây dựng mô hình trồng hoa Lily thương phẩm tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	Cấp tỉnh	32	007-2017/KQNC
V	BAN CHỈ ĐẠO PCTN TỈNH QUẢNG TRỊ			
1	Nghiên cứu, xây dựng các quy trình, giải pháp phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng.	Cấp tỉnh	29	004-2017/KQNC
VI	HỘI NÔNG DÂN TỈNH			
1	Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi gà ri lai vàng rơm an toàn sinh học tại Quảng Trị.	Cấp tỉnh	26	001-2017/KQNC
VII	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ			
1	Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay.	Cấp tỉnh	30	005-2017/KQNC

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① ② ④ ③

020-2015/KQNC. **Luận cứ khoa học và thực tiễn phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp phần mềm tỉnh Quảng Trị đến năm 2020** / KS. Lê Châu Long, TS. Hoàng Phước Lộc, KS. Lâm Công Tuấn, CN. Nguyễn Thanh Bình, CN. Nguyễn Thị Thanh Nhân, KS. Nguyễn Thái Dũng, KS. Lê Hữu Nam, KS. Nguyễn Thị Thùy Dương, KS. Nguyễn Thị Vân, KS. Nguyễn Tuyết Hạnh, KS. Trần Văn Anh. - Quảng Trị: Trung tâm Tin học tỉnh, 2015. - 77 trang. - (cấp tỉnh) -20.

⑨ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑩

Đã hoàn thành 05 chuyên đề: Thực trạng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2013. Tình hình phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh đến năm 2013. Dự báo nhu cầu phát triển nguồn lực công nghiệp phần mềm của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Các tiêu chuẩn về trình độ và kỹ năng nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Cơ sở luận cứ khoa học cho các giải pháp phát triển nguồn lực CNTT của tỉnh đến năm 2020. Đã xây dựng được bộ CSDL về nguồn nhân lực CNTT tỉnh Quảng Trị (lưu trên CD - ROM).

Giải thích

①	Số thứ tự nhiệm vụ phân theo năm trong bản thư mục
②	Số năm nhiệm vụ được cấp giấy chứng nhận
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ
⑤	Tên cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑥	Năm hoàn thành nhiệm vụ
⑦	Số trang của nhiệm vụ
⑧	Cấp quản lý nhiệm vụ
⑨	Tóm tắt kết quả nghiên cứu
⑩	Số giấy chứng nhận

I. THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂM 2015

001-2015/KQNC. **Nghiên cứu thực trạng việc sử dụng đất đai của các cơ sở tôn giáo ở tỉnh Quảng Trị, đề xuất giải pháp quản lý về đất đai các cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị /** Hoàng Đức Thắng, Lê Minh Miến, Trần Ngọc Ký, Nguyễn Văn Hiệt, Võ Trường Sơn, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hồng, Lê Thị Kim Vui. - Quảng Trị: Ban Dân vận Tỉnh ủy, 2014. - 98 trang. - (cấp tỉnh) - 01.

Bảng tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng và 07 chuyên đề nghiên cứu liên quan đến nội dung của đề tài: Cơ sở lý luận, thực tiễn và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác tôn giáo và việc quản lý đất đai của các cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Thực trạng tình hình sử dụng đất đai các cơ sở tôn giáo từ trước năm 1975 đến nay - thực trạng và giải pháp. Công tác quản lý, sử dụng đất đai của cơ sở thờ tự tôn giáo. Các giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, sử dụng đất đai cơ sở tôn giáo. Phật giáo của Tỉnh Quảng Trị và thực trạng đất đai cơ sở thờ tự. Công giáo tỉnh Quảng Trị tình hình, thực trạng đất đai cơ sở tôn giáo.

002-2015/KQNC. **Xây dựng tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận theo tiêu chuẩn TCVN 7457: 2004 (ISO/IEC Guide 65:1996) và TCVN ISO/IEC 17021:2008 đáp ứng yêu cầu được công nhận và chỉ định chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng /** CN. Trần Thiêm, KS. Dương Mạnh Tường, CN. Lê Thị Thanh, CN. Hoàng Văn Thám, CN. Võ Văn Tâm, CN. Văn Thanh Long, CN. Lê Thị Hà Nhiên. - Quảng Trị: Sở KH&CN, 2014. - 45 trang. - (cấp tỉnh) - 02.

Thu thập tình hình thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hoá sản xuất, lưu thông, xuất nhập khẩu trên địa bàn, đặc biệt là các sản phẩm, hàng hoá thuộc nhóm 2 (sản phẩm, hàng hoá có liên quan đến vệ sinh, an toàn và môi trường). Thu thập đối tượng, số lượng sản phẩm, hàng hoá sản xuất, lưu thông, xuất nhập khẩu trên địa bàn phải thực hiện chứng nhận hợp quy hoặc có nhu cầu chứng nhận hợp chuẩn. Thu thập danh mục các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có sản phẩm, hàng hoá thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy. Thu thập mức độ thoả mãn khách hàng của các tổ chức chứng nhận trong nước đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có sản phẩm, hàng hoá thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy. Đánh giá nhu cầu của doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

003-2015/KQNC. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất và quy trình sử dụng chế phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản Neo-Ppolymic phù hợp tại Quảng Trị /** PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc, ThS. Nguyễn Quang Hùng, KS. Nguyễn Thị Minh Huyền, ThS. Lê Mậu Bình, CN. Bùi Thị Tân Diệu, CN. Lê Đông Hà, KS. Hà Thị

Thu Hiền, Lê Thị Hoa, Nguyễn Thị Kim Oanh. - Quảng Trị: Viện Hóa sinh biển, 2014. - 37 trang. - (cấp tỉnh) - 03.

Đã tiến hành mua sắm các hoá chất cần thiết để sản xuất chế phẩm Neo-Polymic. Đã đào tạo 03 lượt cán bộ kỹ thuật tiếp nhận công nghệ tại Hà Nội, các cán bộ nắm vững quy trình sản xuất chế phẩm. Tổ chức học tập, khảo sát các mô hình sản xuất chế phẩm Neo-Polymic và ứng dụng xử lý môi trường nuôi tôm tại Hà Tĩnh. Bước đầu đã nắm bắt được thông tin và quy trình thực tiễn (03 người). Đã tiếp nhận 02 quy trình công nghệ được Viện Hoá sinh biển chuyển giao và triển khai sản xuất đủ số lượng chế phẩm sinh học Neo-Polymic (50kg dạng bột và 50 lít dạng lỏng). Đã tiếp nhận quy trình ứng dụng chế phẩm Neo-polymic xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tại 03 địa điểm của 03 huyện Triệu Phong, Gio Linh và Vĩnh Linh.

004-2015/KQNC. Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa thuần mới, bổ sung vào cơ cấu bộ giống chủ lực của tỉnh / Trần Thanh Hiền, ThS. Nguyễn Hồng Phương, KS. Nguyễn Hữu Tâm, ThS. Trương Thị Mỹ Hạnh. - Quảng Trị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2015. - 84 trang. - (cấp tỉnh) - 04.

Bảng số liệu, cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác điều tra và nghiên cứu thực trạng với 180 phiếu điều tra khảo sát. Kết quả tổ chức 02 lớp tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật trồng lúa thuần mới cho các hộ dân tham gia mô hình. Xây dựng được 02 mô hình khảo nghiệm tại HTX Quang Thượng, xã Gio Quang, huyện Gio Linh và HTX Nại Cửu, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, với diện tích mỗi mô hình 01 ha. Kết quả Hội nghị đầu bờ đánh giá kết quả thực hiện 02 mô hình khảo nghiệm. Kết quả Hội thảo khoa học lấy ý kiến chuyên gia đánh giá, lựa chọn các giống lúa thuần mới bổ sung vào cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh. Hoàn thiện 02 quy trình sản xuất giống lúa thuần mới.

005-2013/KQNC. Xây dựng cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm của công chức trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Quảng Trị / Hồ Xuân An, CN. Trần Hữu Anh, ThS. Bùi Thị Hồng Phương, ThS. Nguyễn Đình Chiến, KS. Hồ Sỹ Nông, KS. Ngô Ngọc Quýnh, CN. Nguyễn Đăng Hiệp, ThS. Phạm Minh Thắng, CN. Hoàng Thị Hồng Mai, KS. Hoàng Quang Vinh, CN. Nguyễn Xuân Rạng. - Quảng Trị: Sở Nội vụ, 2013. - 78 trang. - (cấp tỉnh) - 05.

Hoàn thành việc xây dựng đề cương chi tiết thuyết minh đề tài được thẩm định, xây dựng kế hoạch nghiên cứu và phân công công việc cho từng nhóm thành viên tham gia đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu. Tổ chức nghiên cứu nội dung xây dựng cơ cấu chức danh, xác định vị trí việc làm, kinh nghiệm từ các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn. Thiết kế biểu mẫu mô tả công việc cho từng vị trí, chức danh đảm nhiệm cho từng công chức thuộc 04 đơn vị chọn khảo sát. Đã tổ chức khảo sát theo phiếu mô tả công việc của từng vị trí, chức danh đảm nhiệm của từng phòng, ban, bộ phận của các đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài: huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Sở Nội vụ và Sở VHTTDL. Hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát thu thập thông tin về vị trí việc làm đang đảm nhiệm thuộc 04 đơn vị nghiên cứu. Nghiên cứu xác định số lượng cơ cấu chức danh, vị trí việc làm trên cơ sở công việc được mô tả của từng phòng, ban, bộ phận; xây dựng tiêu chuẩn trình độ, chuyên ngành đào tạo và định mức biên chế cho từng chức danh, vị trí việc làm của từng

phòng, ban, đơn vị theo quy định hiện hành để xây dựng bảng tổng hợp chức danh và vị trí việc làm của 04 đơn vị.

006-2015/KQNC. Nghiên cứu xử lý số liệu đã có, điều tra bổ sung, đánh giá nguồn nguyên liệu khoáng sản để sử dụng làm các sản phẩm mỹ nghệ, trang trí, trang lát và khả năng khai thác sử dụng góp phần phát triển kinh tế địa phương ở tỉnh Quảng Trị / TS. Bùi Ân Niên, ThS. Trần Việt Anh, ThS. Trần Văn Hiếu, ThS. Vũ Hoàng Ly, ThS. Trần Quốc Công, ThS. Nguyễn Hải Đăng. - Quảng Trị: Viện Địa chất, 2015. - 115 trang. - (cấp tỉnh) - 06.

Nghiên cứu định hướng chế tác các sản phẩm mỹ nghệ trên cơ sở các mẫu đá thu thập. Xác lập tiêu chí và tiền đề triển vọng, tài nguyên dự báo cho các khu vực nghiên cứu. Đề xuất phương hướng khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, các giải pháp kỹ thuật và xã hội nhằm bảo vệ tài nguyên và môi trường.

007-2015/KQNC. Nghiên cứu diễn biến khí hậu, thủy văn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1993-2013 dưới tác động của biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh / KS. Nguyễn Thanh Lợi, ThS. Nguyễn Hùng Trí, PGS.TS Nguyễn Thanh Sơn, ThS. Ngô Chí Tuấn, ThS. Trịnh Minh Ngọc, Phạm Lê Phương, TS. Vũ Thanh Hằng, ThS. Nguyễn Phương Nhung, TS. Lê Thị Hoa Sen, KS. Nguyễn Vĩnh An, ThS. Võ Quốc Hoàng, ThS. Vũ Mạnh Cường. - Quảng Trị: Sở Tài nguyên và Môi trường, 2015. - 95 trang. - (cấp Tỉnh) - 07.

Bảng tổng hợp số liệu, cơ sở dữ liệu, thông tin về khí tượng thủy văn 20 năm qua (1993-2013). 01 Bộ cơ sở dữ liệu bằng phần mềm Excel về khí hậu thủy văn 20 năm qua (1993-2013). Đã đăng 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành: "Diễn biến khí hậu tỉnh Quảng Trị thời kỳ 1993 - 2013 và thời kỳ chịu tác động của biến đổi khí hậu 2015 - 2035". Đã được đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Quốc Gia Hà Nội: Khoa học tự nhiên và công nghệ tập 30, số 6S(2014); "Diễn biến dòng chảy tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2035 theo kịch bản Biến đổi khí hậu". Đã được đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Quốc Gia Hà Nội: Khoa học tự nhiên và công nghệ tập 31, số 1S(2015).

008-2015/KQNC. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kế hoạch công việc / KS. Lê Quang Bình, CN. Thái Thị Nga, CN. Lê Thái Sơn, CN. Dương Hương Ly, CN. Nguyễn Đạo Quyết, CN. Lê Văn Hoan, Nguyễn Thị Hà, ThS. Nguyễn Việt Chiến, CN. Trần Lương Tường. - Quảng Trị: Trung tâm Tin học - Thông tin KH&CN Quảng Trị (Nay là Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị), 2015. - 60 trang. - (cấp tỉnh) - 08.

Đề tài đã hoàn thành tốt khối lượng công việc so với thuyết minh ban đầu và hợp đồng nghiên cứu đề ra. Và đã xây dựng được hệ thống phần mềm quản lý kế hoạch công việc online, hỗ trợ chức năng quản lý cụ thể như sau: Cho phép các cá nhân chủ động xây dựng kế hoạch năm, quý để hoàn thành một phần lớn công tác chính của mình, hạn chế

tối đa tư tưởng thụ động ngồi chờ việc. Tạo động lực và tiền đề để từng cá nhân luôn luôn tự vươn lên tăng năng suất lao động và hiệu quả công tác cho CBCNV trong cơ quan bằng các giải pháp sau: + Nhân viên biết được nội dung nhiệm vụ, phân biệt được cấp nào giao nhiệm vụ, thời gian phải hoàn thành, mức độ khẩn và ai là người phối hợp với mình để thực hiện nhiệm vụ đó. + Tiết kiệm thời gian, từng bước thực hiện có hiệu quả CCHC trong cơ quan. + Tạo điều kiện về thời gian, không gian... làm việc cho CBCNV ở bất cứ lúc nào, nơi nào.

009-2015/KQNC. Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh / Nguyễn Văn Hùng, ThS. Thái Thị Khuyến, ThS. Lê Thế Hưng, CN. Trần Văn Cần, CN. Lê Hồng Tiên, CN. Lê Tiến Quốc.
- Quảng Trị: Chi cục Tiêu chuẩn -Đo lường-Chất lượng, 2014. - 47 trang. - (cấp tỉnh) -09.

Báo cáo đánh giá sự phù hợp Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật các sản phẩm cao su của 03 doanh nghiệp (giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm cao su của 03 doanh nghiệp sản xuất cao su). Tiêu chuẩn cơ sở than bùn dùng làm nguyên liệu để sản xuất phân hữu cơ vi sinh cho 02 doanh nghiệp. Đào tạo được 06 chuyên gia là giảng viên năng suất chất lượng chuyên sâu về chỉ số đánh giá hiệu quả KPIs và thẻ cân bằng điểm BSC.

010-2015/KQNC. Nghiên cứu, đánh giá các vườn cà phê và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để cải tạo vườn cà phê già cỗi trên địa bàn huyện Hướng Hóa / KS. Nguyễn Bảy, ThS. Nguyễn Thanh Tùng, KS. Hoàng Công Châu, KS. Nguyễn Thị Diệu Linh, KS. Lê Chí Công, KS. Dương Hồng Phong. - Quảng Trị: Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, 2015. - 73 trang. - (cấp tỉnh) - 10.

Bảng tổng hợp số liệu các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá kết quả của 02 mô hình "đón đầu" và "đón phốt" tại 02 địa điểm thử nghiệm ở Hướng Phùng và Khe Sanh huyện Hướng Hóa. 02 quy trình kỹ thuật "Đón đầu" và "Đón phốt" cà phê được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị ra Quyết định phê duyệt và ban hành. Biên bản Hội nghị đầu bờ đánh giá kết quả của các mô hình thử nghiệm; kết quả tập huấn chuyển giao quy trình cho cán bộ cơ sở và nông dân trồng cà phê ở Hướng Hóa với 60 người tham gia.

011-2015/KQNC. Nâng cao nhận thức, kỹ năng về năng suất và chất lượng cho các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị / Nguyễn Thị Thanh, KS. Lê Thanh Nam, KS. Dương Mạnh Tường, CN. Hoàng Văn Thám, CN. Võ Văn Tâm, CN. Trần Thiêm, CN. Văn Thanh Long, CN. Lê Thị Hà Nhiên, CN. Nguyễn Thị Thanh Tiên. - Quảng Trị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, 2015. - 51 trang. - (cấp tỉnh) -11.

Bảng số liệu điều tra, khảo sát và báo cáo phân tích, đánh giá về nhu cầu của doanh nghiệp về nâng cao nhận thức và kỹ năng về năng suất: 02 đợt (năm 2011 và 2013). Khóa đào tạo cho 05 cán bộ tham gia trong năm 2012 và 02 cán bộ tham gia trong năm 2014 nâng cao kiến thức quản lý về năng suất, chất lượng. Đào tạo, bồi dưỡng phổ cập kiến thức về Năng suất và Chất lượng: 02 lớp đào tạo tập trung cho 40 học viên năm 2011, 03 lớp đào tạo tại 03 doanh nghiệp năm 2012, 02 lớp đào tạo tập trung cho 80 học viên

trong năm 2011 và năm 2014. Đã xây dựng 06 chuyên mục được phát sóng trên Đài Phát thanh và truyền hình Quảng Trị.

012-2015/KQNC. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý - GIS trong việc giám sát và khống chế cúm gia cầm tại Quảng Trị / Lê Thị Nga, Nguyễn Thị Thúy Hằng, KS. Dương Ngọc Linh, CN. Bùi Phước Minh Phương, KS. Lê Quang Ánh, CN. Lê Thanh Minh, CN. Hà Thế Trọng. - Quảng Trị: Chi cục Thú y, 2015. - 171 trang. - (cấp tỉnh)- 12.

Hoàn thành việc xây dựng đề cương chi tiết thuyết minh đề tài được thẩm định, xây dựng kế hoạch nghiên cứu và phân công công việc cho từng nhóm thành viên tham gia đề tài. Xây dựng biểu mẫu điều tra khảo sát và điều tra tại 142 xã, phường, thị trấn của 9 huyện, thành phố, thị xã đồng thời tổng hợp, xử lý số liệu điều tra khảo sát. Xây dựng CSDL bao gồm: Dữ liệu thuộc tính: CSDL dịch bệnh, trang trại chăn nuôi gia cầm, cơ sở ấp nở gia cầm, điểm giết mổ gia cầm và bán gia cầm sống, tiêm phòng vắc xin, tổng đàn gia súc gia cầm, đại lý kinh doanh thuốc thú y. Dữ liệu không gian: Bản đồ phân bố ổ dịch cúm gia cầm, bản đồ phân bố trang trại chăn nuôi gia cầm, bản đồ phân bố hiện trạng chăn nuôi gia cầm.

013-2015/KQNC. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị / TS. Hồ Kỳ Minh, ThS. Đàm Thị Vân Dung, ThS. Cao Trí Dũng, ThS. Lư Thúy Liên, CN. Võ Văn Hoàng, CN. Bùi Thị Thuần, CN. Trần Đại Lâm. - Quảng Trị: Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, 2015. - 87 trang. - (cấp tỉnh) - 13.

Đề tài đã thực hiện một số chuyên đề: Một số vấn đề lý luận về loại hình du lịch văn hóa tâm linh, các mô hình du lịch tâm linh trên thế giới và sự vận dụng các lý luận và mô hình này cho việc phát triển du lịch văn hóa tâm linh ở Quảng Trị. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên du lịch văn hóa tâm linh ở Quảng Trị. Đánh giá thực trạng phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở Quảng Trị. Những lợi thế và bất lợi thế trong việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở Quảng Trị. Giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở Quảng Trị.

014-2015/KQNC. Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nâng cao tiềm lực, năng lực thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Quảng Trị / CN. Võ Thị Minh Ngọc, CN. Trần Thị Phương, CN. Trần Thị Thuyết, CN. Trần Tịnh Nhi, CN. Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Hà. - Quảng Trị: Trung tâm Tin học - Thông tin KH&CN (Nay là Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị), 2013. - 68 trang - (cấp tỉnh) - 14.

Đã tiến hành thu thập tài liệu. số liệu đề tài, dự án đã thực hiện liên quan đến nội dung nghiên cứu. Thiết kế bộ mẫu phiếu điều tra, khảo sát và tổ chức điều tra xã hội học để xác định thực trạng và nhu cầu thông tin KHCN trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, lập báo cáo kết quả điều tra và đánh giá thực trạng năng lực thông tin KHCN, nhu cầu về thông tin KHCN của các nhóm đối tượng. Phân tích, đánh giá thực trạng và xác định nhu cầu thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Xây dựng các luận cứ

khoa học phục vụ phát triển thông tin KHCN tại Quảng Trị. Đề xuất các giải pháp phát triển và khuyến khích phát triển thông tin KHCN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

015-2015/KQNC. Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi của người chăm sóc trẻ về phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em huyện Hải Lăng / Lê Phước Nho, CN. Nguyễn Phúc Luy, CN. Trương Quang Hòa, CN. Tạ Đình Đức, ThS. Nguyễn Quỳnh, CN. Võ Đình Sỹ, Lê Văn Long. - Quảng Trị: Phòng Y tế huyện Hải Lăng, 2014. - 59 trang. - (cấp tỉnh) - 15.

Tập huấn cho các cán bộ điều tra trước khi triển khai nghiên cứu. Thu thập số liệu tại cộng đồng. Tổng số có 686 đối tượng là người chăm sóc trẻ tại 19 xã, 01 thị trấn, huyện Hải Lăng tham gia vào nghiên cứu. Từ những phân tích trên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm giảm tỷ lệ tai nạn thương tích của trẻ em tại cộng đồng cũng như nâng cao kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em cho những người chăm sóc trẻ, đặc biệt là bố mẹ trẻ và trẻ. Nhóm kiến nghị bao gồm: Nâng cao sự tham gia của các ban ngành liên quan tại địa phương trong phòng chống tai nạn thương tích trẻ em. Nâng cao nhận thức về nguy cơ dẫn tới tai nạn thương tích trẻ em cho người chăm sóc trẻ, giáo viên và trẻ em tại địa huyện Hải Lăng. Giảm thiểu các nguy cơ dẫn tới tai nạn thương tích trẻ em tại gia đình, nhà trường và cộng đồng. Vận động chỉnh sửa/ thay đổi chính sách của địa phương liên quan tới phòng chống tai nạn thương tích trẻ em. Các kênh truyền thông mong muốn của người dân để nhận thông tin về phòng tránh tai nạn thương tích tại cộng đồng.

016-2015/KQNC. Khai thác tài nguyên thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Trị phục vụ cho sự phát triển của tỉnh / Nguyễn Hoàn, KS. Trần Phương Nam, KS. Nguyễn Văn Tường, CN. Nguyễn Thị Huyền, CN. Trần Quang, ThS. Đoàn Phương Nam, CN. Nguyễn Thị Quỳnh Như, CN. Giang Thị Lệ Thủy, CN. Phạm Thị Thái Linh, CN. Trần Thanh Hà. - Quảng Trị: Sở Thông tin và Truyền thông, 2015. - 150 trang. - (cấp tỉnh) - 16.

Đã thực hiện 62 phiếu phỏng vấn thu thập từ các đơn vị: Liên hiệp các tổ chức hội nghị; Sở công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Ngoại Vụ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Báo cáo tổng hợp đánh giá thông tin thu thập được từ phiếu điều tra khảo sát và phỏng vấn sâu. Đã hoàn thành 3 chuyên đề: Đánh giá hiện trạng về tài nguyên thông tin đối ngoại tỉnh Quảng trị phục vụ cho sự phát triển của tỉnh; Hệ thống giải pháp khả thi, có hiệu quả trong công tác khai thác nguồn tài nguyên thông tin đối ngoại của tỉnh Quảng Trị phục vụ cho sự phát triển của tỉnh; Xây dựng mô hình hoạt động thông tin đối ngoại tại Cụm Thông tin đối ngoại Cửa khẩu Lao Bảo.

017-2015/KQNC. Xây dựng mô hình thôn ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại huyện Cam Lộ giai đoạn 2012-2014 / Đào Mạnh Hùng, Võ Văn Hưng, CN. Nguyễn Hồng Sơn, KS. Hoàng Liên Sơn, ThS. Phạm Việt Thanh, KS. Trần Kiên Tiến, ThS. Nguyễn Đình Khánh, CN. Lê Hải Hưng, CN. Nguyễn Thị Lan, Trần Việt Thử, Đoàn Ánh Phước, Thái Ngọc Quế. - Quảng Trị: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cam Lộ, 2015. - 43 trang. - (cấp tỉnh) - 17.

Đã quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng khu sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Nam với diện tích 10ha có hệ thống kênh tưới nước, đường cấp phối ra ruộng. Triển khai 01 mô hình trồng rau an toàn vụ Đông với diện tích 03ha/vụ và 02 điểm bán rau an toàn tại chợ Phiên và chợ Ngô Đồng. Đã tổ chức 01 tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác cao su tiêu điền với 40 hộ dân tham gia. Tổ chức 02 lớp tập huấn chuyên giao quy trình sản xuất lạc giống và sản xuất lạc thịt cho 40 hộ nông dân tham gia mô hình...

018-2015/KQNC. Nghiên cứu đề xuất giải pháp đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị / CN. Hoàng Kỳ, CN. Phan Văn Phong, CN. Dương Thị Thu Hà. - Quảng Trị: Sở Tư pháp, 2015. - 94 trang. - (cấp tỉnh) - 18.

Hoàn thành thuyết minh đã được HĐKH phê duyệt. Xây dựng biểu mẫu điều tra khảo sát và điều tra 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông, đồng thời tổng hợp số liệu điều tra khảo sát. Hoàn thành 03 chuyên đề: Cơ sở lý luận; Nghiên cứu thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở huyện miền núi Hướng Hóa và Đakrông. Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở hai huyện miền núi Hướng Hóa, Đakrông.

019-2015/KQNC. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị / CN. Thái Thị Nga, CN. Hồ Bảo Quốc, CN. Lê Thái Sơn, CN. Võ Thị Minh Ngọc, CN. Nguyễn Thị Hòa, CN. Trần Thị Phương, CN. Nguyễn Đạo Quyết, CN. Lê Văn Hoan, CN. Trần Thị Thuyết, ThS. Phạm Thiệt Đạt. - Quảng Trị: Trung tâm Tin học - Thông tin KH&CN Quảng Trị (Nay là Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị), 2015. - 48 trang. - (cấp tỉnh) - 19.

Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng việc ứng dụng CNTT trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, với 100 doanh nghiệp được điều tra, khảo sát. Tư vấn, hỗ trợ kết nối mạng LAN cho 06 doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho 160 cán bộ thuộc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng được 01 Bộ tài liệu Hỏi và Đáp về kiến thức CNTT và tuyên truyền cho các doanh nghiệp; 01 Bộ tiêu chí về đánh giá mức độ sẵn sàng cho việc ứng dụng CNTT trong các doanh nghiệp. 01 Hệ thống tuyên truyền phổ biến an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn IZO/IEC 270001:2005. Mô hình ứng dụng CNTT cho 04 doanh nghiệp. Khảo sát, đánh giá, tư vấn chọn quy trình nghiệp vụ cần tin học hóa và đề xuất tổng thể việc ứng dụng CNTT trong các doanh nghiệp.

020-2015/KQNC. Luận cứ khoa học và thực tiễn phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp phần mềm tỉnh quảng trị đến năm 2020 / KS. Lê Châu Long, TS. Hoàng Phước Lộc, KS. Lâm Công Tuấn, CN. Nguyễn Thanh Bình, CN. Nguyễn Thị Thanh Nhàn, KS. Nguyễn Thái Dũng, KS. Lê Hữu Nam, KS. Nguyễn Thị Thùy Dương, KS. Nguyễn Thị Vân, KS. Nguyễn Tuyết Hạnh, KS. Trần Văn Anh. - Quảng Trị: Trung tâm Tin học tỉnh, 2015. - 77 trang. - (cấp tỉnh) - 20.

Đã hoàn thành 05 chuyên đề: Thực trạng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2013. Tình hình phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh đến năm 2013. Dự báo nhu cầu phát triển nguồn lực công nghiệp phần mềm của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Các tiêu chuẩn về trình độ và kỹ năng nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Cơ sở luận cứ khoa học cho các giải pháp phát triển nguồn lực CNTT của tỉnh đến năm 2020. Đã xây dựng được bộ CSDL về nguồn nhân lực CNTT tỉnh Quảng Trị (lưu trên CD - ROM).

II. THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂM 2016

001-2016/KQNC. **Khảo sát nhận thức, thái độ và hành vi về hiến máu tình nguyện trên địa bàn huyện Đakrông năm 2015** / ThS. Nguyễn Quang Bộ, CN. Võ Xuân Tùng, CN. Ngô Văn Phú. - Quảng Trị: Bệnh viện Đa khoa Đakrông, 2016. - 18 trang. - (cấp cơ sở). - 21

Đánh giá về nhận thức : Tỷ lệ các đối tượng nghiên cứu có nhận thức đầy đủ về hiến máu tình nguyện còn chưa cao(57.5%), tỷ lệ này ở nhóm hiến máu ≥ 2 lần là 43.9% cao hơn rõ rệt so với nhóm chưa hiến máu(37.8%) và nhóm hiến máu 1 lần (18,3%). Tỷ lệ nhận thức trung bình và hạn chế còn cao (42.5%), trong đó nhóm chưa hiến máu và hiến máu 1 lần cao hơn nhóm hiến máu ≥ 2 lần. *Đánh giá về thái độ*: Tỷ lệ đối tượng có thái độ đúng về hiến máu tình nguyện chiếm 63.25%. Trong đó nhóm đối tượng hiến máu ≥ 2 lần có thái độ đúng chiếm 44.7%, cao hơn nhóm hiến máu 1 lần(16.9%) và nhóm chưa hiến máu(38,4%). Còn tỷ lệ không nhỏ(36,25%) đối tượng có thái độ chưa đúng về hiến máu tình nguyện, trong đó nhóm hiến máu 1 lần và nhóm chưa hiến cao hơn nhóm hiến ≥ 2 lần. *Đánh giá về hành vi*: Tỷ lệ có hành vi phù hợp là 65%, ở nhóm hiến máu ≥ 2 lần, tỷ lệ đối tượng có hành vi phù hợp là 42.3%, cao hơn nhóm chưa hiến máu(36.5%) và nhóm hiến máu 1 lần(21.2). Tỷ lệ đối tượng có hành vi chưa phù hợp còn cao(35%), trong đó nhóm chưa hiến máu 40.7%, nhóm hiến máu 1 lần 31.4% cao hơn nhóm hiến máu ≥ 2 lần(27.9%).

002 -2016/KQNC. **Khai thác có hiệu quả khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo trong bối cảnh mới và vai trò của tỉnh Quảng Trị** / TS. Trương Duy Hòa, TS. Dương Văn Huy, TS. Nguyễn Văn Bình. - Quảng Trị: Viện nghiên cứu Đông Nam Á, 2016. - 225 trang. - (cấp tỉnh). - 22

Làm rõ nền tảng một số lý thuyết có liên quan đến các khu kinh tế thương mại đặc biệt/tự do trong quá trình phát triển kinh tế của quốc gia. Tìm hiểu, phân tích, đánh giá những thành công và hạn chế trong hoạt động của khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo thời gian qua (1998-2015). Đề xuất và phân tích các giải pháp, kiến nghị nhằm khai thác có hiệu quả Khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo trong dài hạn.

003-2016/KQNC. **Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, hình ảnh cắt lớp vi tính và kết quả điều trị tụ máu dưới màng cứng mạn tính tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị** / Trần Quốc Tuấn; Trương Xuân Nhuận; Hoàng Đức Dũng; Thái Văn

Hiệp; Văn Nhật Minh. - Quảng Trị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, 2016. - 34 trang. - (cấp tỉnh). - 23.

Trên cơ sở nghiên cứu và thuyết minh đề tài, chủ nhiệm đề tài đã rút ra những kết luận như sau: Về đặc điểm lâm sàng, không có triệu chứng lâm sàng đặc trưng cho bệnh máu tụ dưới màng cứng mạn tính. Ba dấu hiệu lâm sàng: nhức đầu (70,3%), suy đồi tri giác nhẹ với Glasgow 13-15đ (70,9%) và tiền sử chấn thương (60,1%) là thường gặp. Thời gian từ khi chấn thương đến khi nhập viện thường nằm trong khoảng 4-8 tuần (76,9%); từ khi nhập viện đến khi được chẩn đoán và phẫu thuật trước 5 ngày chiếm đa số (67,7%). Trước phẫu thuật bệnh nhân nằm chủ yếu ở khoa Nội tim mạch và khoa Hồi sức chống độc (62%) với chẩn đoán hay gặp là nhồi máu não (48,4%). Về đặc điểm cận lâm sàng, Đa số bệnh nhân trước mổ có rối loạn nhẹ về chức năng đông máu với tỷ Prothrombin 50%-70% (67%). Phim cắt lớp vi tính giúp chẩn đoán xác định trong 100% các trường hợp bị MTDMCMT, trong đó: máu tụ ở vị trí trán – thái dương – đỉnh (50%) và bên trái (46,8%) chiếm ưu thế; độ dày liềm máu tụ đa số nằm trong khoảng 11mm-15mm (51,9%) với tính chất đồng nhất (43,7%) và giảm tỷ trọng (67,1%); di lệch đường giữa không có sự khác biệt nhiều về tỉ lệ ở các mức độ, trường hợp di lệch ít nhất 2mm và nhiều nhất là 24mm.

004-2016/KQNC. Xác định mức độ tác động địa chấn và khoanh vùng dự báo khu vực ảnh hưởng của động đất do hoạt động kiến tạo của đới đứt gãy Đà Nẵng – Khe Sanh (đoạn Đakrông – Hướng Hóa) đến sự ổn định các công trình xây dựng và khu dân cư vùng núi huyện Đakrông và Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị / TS. Nguyễn Văn Canh, TS. Nguyễn Thanh, TS. Nguyễn Đình Tiến, ThS. Hoàng Hoa Thám, TS. Cao Đình Triều, TS. Nguyễn Lê Minh, TS. Đoàn Văn Tuyển, TS. Phạm Văn Hùng. - Quảng Trị: Trường Đại học Khoa học Huế, 2016. - 148 trang. - (cấp tỉnh) - 24.

Đề tài đã thực hiện được mục tiêu và hoàn thành đầy đủ các nội dung của nhiệm vụ nghiên cứu đề ra. Về địa chất, khu vực Hướng Hóa-Đakrông có các thành tạo địa chất khá phong phú và đa dạng, gồm nhiều hệ tầng trầm tích, trầm tích - biến chất, có tuổi từ Cambri cho đến tuổi Đệ tứ. Cùng với 7 phức hệ magma xâm nhập có tuổi từ Paleozoi đến Kainozoi, thuộc 4 chu kỳ magma - kiến tạo. Về kiến tạo, trên phạm vi khu vực nghiên cứu phân bố các hệ thống đứt gãy kiến tạo khu vực lớn như: Đakrông - Huế (f1), Hướng Hóa - A Lưới (f2), Sông Cam Lộ (f3), sông Quảng Trị (f4), Mò Ó - Tân Lập (f5), Tà Long - A Vao (f6),... Về tân kiến tạo - địa động lực hiện đại, khu vực Đakrông - Hướng Hóa nằm ở phần phía tây nam của khối Bắc Trung Bộ nên chúng cũng chịu ảnh hưởng của hoạt động địa động lực hiện đại của khối này.

005-2016/KQNC. Xây dựng cơ sở dữ liệu tư vấn quy hoạch, kỹ thuật trồng và chăm sóc nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị / ThS. Nguyễn Phong, TS. Lê Công Nam, ThS. Lê Thị Kiều Nhi, ThS. Nguyễn Việt Tú. - Quảng Trị: Trường Cao đẳng Sư phạm, 2016. - 38 trang. - (cấp tỉnh). - 25.

Đề tài đã xây dựng được các phần: Chuyên đề Đánh giá thực trạng trồng chăm sóc bảo vệ rừng tại Quảng Trị; Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm (Website) quản lý cơ sở dữ liệu tư vấn quy hoạch, kỹ thuật trồng và chăm sóc nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Cơ sở dữ liệu GIS tỷ lệ bản đồ GIS đạt tỷ lệ 1/25.000 đối với tỉnh Quảng Trị bao gồm 10 huyện thị về trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng ở Quảng Trị; Phần mềm (Website) quản lý cơ sở dữ liệu tư vấn quy hoạch, kỹ thuật trồng và chăm sóc nhằm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo tổng kết đề tài; Bài báo khoa học.

III. THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂM 2017

001-2017/KQNC. **Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi gà ri lai vàng rơm an toàn sinh học tại Quảng Trị / CN.** Lê Phúc Thiện, Nguyễn Đán, Lê Văn Mẫn, Nguyễn Ngọc Diễm Kiều, Hoàng Thị Vân Anh, Nguyễn Văn Lương. - Quảng Trị: Hội Nông dân tỉnh, 2016. - 50 trang. - (cấp tỉnh). -26.

Đơn vị thực hiện đề tài đã chủ trì đã phối hợp với UBND của 02 xã: Vĩnh Chấp và Vĩnh Tú An Bá, tiến hành điều tra 30 phiếu về thực trạng chăn nuôi gà, việc thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, thú y phòng bệnh trong chăn nuôi gà, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đề tài đã phối hợp với UBND 02 xã, cán bộ khuyến nông của 2 Vĩnh Chấp và Vĩnh Tú tổ chức 01 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi gà ri vàng lai thương phẩm an toàn sinh học cho 60 người tham dự.

002-2017/KQNC. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh / CN.** Lê Tiến Dũng, KS. Đoàn Ngọc Định, CN. Quốc Hồ Hiệp Nghĩa, CN. Hoàng Ngọc Quỳnh Như, KS. Nguyễn Hữu Thuần, KS. Hồng Anh Tuấn, KS. Hoàng Đức Thạch, ThS. Trần Phi Tường, KS. Nguyễn Xuân Lộc, ThS. Võ Đình Vũ. - Quảng Trị: Sở Công thương, 2016. - 118 trang. - (cấp tỉnh). - 27

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, theo số liệu của Sở Công Thương, hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 260 doanh nghiệp công nghiệp và trên 7.000 cơ sở sản xuất, hộ cá thể hoạt động trong lĩnh vực phi nông lâm thủy sản. Qua lựa chọn đưa vào đối tượng gửi phiếu khảo sát sơ bộ là 27 đơn vị, trong đó: 03 đơn vị của ngành chế biến rau củ, nông sản; 05 đơn vị của ngành thủy sản, 02 đơn vị của ngành dệt may; 05 đơn vị của ngành chế biến gỗ, tre, nứa, giấy; 02 đơn vị của ngành nhựa, cao su và phân bón; 04 đơn vị của ngành khoáng sản, vật liệu xây dựng, cơ khí và 01 đơn vị của ngành sản xuất rượu, bia, nước giải khát. Từ đó tiến hành điều tra trực tiếp và hoàn thiện thông tin về khả năng triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp tại 10 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

003-2017/KQNC. **Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Quảng Trị / Cái Thị Vượng,** Hoàng Ngọc Thiệp, Nguyễn Thị Cẩm Lệ, Nguyễn Thị Lệ Hiền, Nguyễn Thị Nương, Trần Thị Nhân, Trịnh Cao Nguyên, Nguyễn Cường. - Quảng Trị: Bảo tàng tỉnh, 2016. - 80 trang. - (cấp tỉnh). - 28.

Tiến hành công tác tổng điều tra, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tại các làng, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là nhiệm vụ quan trọng và trọng tâm của đề tài nghiên cứu nhằm mục đích hệ thống các loại hình văn hoá phi vật thể của cộng đồng tộc người trên

địa bàn tỉnh Quảng Trị, nhằm nhận diện, kiểm đếm vốn liếng, gia tài văn hóa phi vật thể của người Việt và hai tộc người Bru - Vân Kiều; Tà Ôi sống trên vùng đất Quảng Trị. Đề tài tập trung thực hiện để hình thành 7 chuyên đề chính như sau: Chuyên đề 1: Những di sản thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết của ba dân tộc Việt, Bru- Vân Kiều và Tà Ôi như: ngữ âm dân gian xã Vĩnh Tú, ngữ âm làng Phú Hải, ngữ âm xã Vĩnh Thái, ngữ âm dân gian Bru - Vân kiều và Tà ôi... Chuyên đề 2: Những di sản thuộc loại hình ngữ văn dân gian, bao gồm sử thi, dân ca, ca dao, ca dao tục ngữ, hò, vè, câu đố, truyện cổ tích, truyện trạng, truyện ngụ ngôn, truyện cười, hát ru và các biểu đạt khác được chuyển tải bằng lời nói hoặc chữ viết của người Việt, người Bru - Vân Kiều; người Tà Ôi như: Truyện trạng Vĩnh Hoàng, Hò Như Lệ, Sự tích Thần Đá làng Phương Sơn, Sự tích các vị thần làng An Lợi, Sự tích Ông Dài Ông Cụt làng Nhan Biều... Các điệu hò dã gạo, Hát ru con, hát cà lơi cha chấp, Oát xà nót; hát Sim...

004-2017/KQNC. Nghiên cứu, xây dựng các quy trình, giải pháp phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng / Dương Hồ Tự, Phan Công Bình, Trần Xuân Ứng, Nguyễn Thành Trung, Võ Thị Thùy Linh, Võ Thị Trang. - Quảng Trị: Ban chỉ đạo PCTN tỉnh Quảng Trị, 2012. - 79 trang. - (cấp tỉnh). - 29.

Đề tài đã thực hiện 03 chuyên đề: Cơ sở lý luận về tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng; Giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Quảng Trị và chuyên đề về các quy trình như Quy trình kiểm tra về PCTN; Quy trình tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo và thông tin phản ánh kiến nghị về hành vi tham nhũng; cải tiến phương pháp thống kê, báo cáo về phòng, chống tham nhũng.

005-2017/KQNC. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay / CN. Hoàng Đức Thắng, Lê Hồng Sơn, Võ Văn Hòa, Nguyễn Hữu Ban, Tạ Quang Thanh, Võ Thị Loan, Bùi Thị Ngọc Cẩm. - Quảng Trị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị, 2016. - 118 trang. - (cấp tỉnh). - 30.

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội là nhiệm vụ quan trọng đã được Mặt trận TQVN triển khai thực hiện trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, công tác này được tổ chức thực hiện có tính pháp lý và cơ chế, cụ thể hơn kể từ khi được Hiến pháp năm 2013, Luật MTTQVN năm 2015 quy định cụ thể và Quyết định 217 của Bộ chính trị về “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội”. Giám sát và phản biện xã hội tồn tại như một yêu cầu tất yếu khách quan của một xã hội dân chủ, do nhân dân làm chủ, nhà nước “của dân, do dân và vì dân”. Ở nước ta, thực chất của vấn đề giám sát và phản biện xã hội là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện một Đảng cầm quyền. Nội dung của việc giám sát và phản biện xã hội là

nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương, phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém trong quá trình thực hiện để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bảo đảm cho pháp luật và quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân được thực thi đầy đủ.

006-2017/KQNC. **Ảnh hưởng của việc bổ sung giấm gỗ vào thức ăn đến khả năng sinh trưởng, bệnh tiêu chảy ở lợn con nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị / ThS.** Nguyễn Xuân An, KS. Lê Quang Ánh, KS. Dương Ngọc Linh, KS. Phạm Quang Tuyền, CN. Lê Thanh Minh, CN. Hà Thế Trọng. - Quảng Trị: Chi Cục Thú y, 2015. - 54 trang. - (cấp tỉnh). - 31.

Giấm gỗ khi bổ sung vào thức ăn đã cải thiện được tăng trọng của lợn con giai đoạn tập ăn đến 45 ngày tuổi, 189,81g/con/ngày đối với lô bổ sung và 179,24g/con/ngày với lô không bổ sung. Ngoài ra giấm gỗ còn giúp làm giảm tỷ lệ % ngày con tiêu chảy, ở lứa đầu tiên thí nghiệm tỷ lệ % ngày con tiêu chảy ở hai lô tương ứng là 2,63 % ngày con so với 5,12 % ngày con. Như vậy bổ sung 0.2% giấm gỗ vào thức ăn cho lợn con giai đoạn tập ăn đến 45 ngày tuổi giảm tỷ lệ tiêu chảy 48.63% so với lô không bổ sung. Giấm gỗ ngoài tác dụng cải thiện tăng trọng, giảm tỷ lệ tiêu chảy mà còn có tác dụng giảm phát xạ khí NH₃ và H₂S từ phân lợn 48,22% và 56,8 % so với lô không bổ sung.

007-2017/KQNC. **Xây dựng mô hình trồng hoa Lily thương phẩm tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị / CN.** Bùi Thị Tân Diệu, ThS. Đào Ngọc Hoàng, KS. Nguyễn Thị Minh Huyền, ThS. Nguyễn Quang Hùng, CN. Lương Tú Nam, ThS. Phan Quốc Chính, ThS. Lê Mậu Bình, KS. Phan Văn Mạnh, KS. Nguyễn Ngọc Truyền, CN. Trần Ngọc Nhân. - Quảng Trị: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2017. - 48 trang. - (cấp tỉnh). - 32.

Các giống Lily Sorbonne và Concador đều có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện sinh thái của Khu vực Bắc Hướng Hóa – tỉnh Quảng Trị, có màu sắc đẹp được người tiêu dùng ưa chuộng. Giống Sorbonne có thời gian sinh trưởng (thời điểm nụ thứ nhất nở 10%) vụ Thu – Đông (thu hoạch dịp 20/11) là 80 ngày; vụ Đông – Xuân (thu hoạch dịp Tết Nguyên đán) là 85 ngày, có 53,1 lá và chiều cao cây cao nhất đạt 105,8cm. Giống Concador có thời gian sinh trưởng (thời điểm nụ thứ nhất nở 10%) vụ Thu – Đông (thu hoạch dịp 20/11) là 76 ngày; vụ Đông – Xuân (thu hoạch dịp Tết Nguyên đán) là 80 ngày, có 53,6 lá và chiều cao cây cao nhất đạt 98,9cm. Số nụ/cây giống Sorbonne cao nhất đạt 4,6 nụ/cây, chiều dài nụ đạt 11,9 cm, độ bền hoa cắt cành 8,6 ngày và tự nhiên là 14,6 ngày. Số nụ/cây giống Concador cao nhất đạt 3,6 nụ/cây, chiều dài nụ đạt 12,5 cm, độ bền hoa cắt cành 8,8 ngày và tự nhiên là 15,4 ngày.

008-2017/KQNC. **Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng cường quảng bá, thương mại hóa sản phẩm các nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị / CN.** Lê Thái Sơn, CN. Nguyễn Đạo Quyết, CN. Thái Thị Nga, CN. Trần Thị Thuyết, CN. Trần Ánh Ngọc. - Quảng Trị: Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN, 2016. - 31 trang. - (cấp cơ sở). -33.

Nhiệm vụ đã hoàn thành tốt khối lượng công việc và tiến độ so với thuyết minh ban đầu và hợp đồng nghiên cứu đề ra. Trang thông tin điện tử về Làng nghề Quảng Trị; Cơ sở dữ liệu đã được cập nhật thông tin cơ bản về các nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh (theo điều tra, khảo sát). Hệ thống quản trị Trang thông tin điện tử về Làng nghề. Hoàn thành Quy chế quản lý hoạt động và cung cấp thông tin trên Website nghề, làng nghề tỉnh Quảng Trị. Tài liệu hướng dẫn sử dụng trang thông tin điện tử. Đã tổ chức lớp tập huấn: Các thành viên tham gia đã được hướng dẫn sử dụng các chức năng liên quan của hệ thống và cập nhật thông tin cho website.

009-2017/KQNC. **Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN / CN.** Dương Hương Ly, CN. Thái Thị Nga, CN. Trương Thị Bích Thảo, ThS. Thái Thị Khuyên, CN. Nguyễn Thiện Phúc, ThS. Nguyễn Thị Anh Trang. - Quảng Trị: Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị. - 2016. - 81 trang. - (cấp cơ sở). - 34.

Phân tích thiết kế một số quy trình nghiệp vụ thực hiện cải cách hành chính và tin học hóa một số quy trình quản lý nhà nước về hoạt động quản lý chuyên ngành, quản lý các nhiệm vụ KH&CN tại Sở KH&CN. Xây dựng quy trình quản lý, khai thác và quản trị hệ thống: Xây dựng bộ quy chế quản lý, vận hành và tài liệu hướng dẫn sử dụng các phần mềm nghiệp vụ về đo lường, chất lượng, về an toàn bức xạ và hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN; Xây dựng, triển khai phần mềm ứng dụng: Nâng cấp, bổ sung một số module chức năng cho hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN để cung cấp thông tin cho việc xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN hàng năm có hiệu quả. Kết quả của dự án góp phần quan trọng giúp cho Phòng Quản lý chuyên ngành và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong công tác quản lý thống kê, tổng hợp dữ liệu chuyên ngành một cách thuận lợi, đầy đủ, khoa học, phục vụ cho công tác quản lý trên cơ sở đó tham mưu cho sở, ngành. Các công việc cập nhật, thống kê, tìm kiếm và truy xuất dữ liệu thuộc tính với lượng thông tin lớn được thực hiện nhanh chóng thông qua môi trường mạng, giúp tiết kiệm thời gian.